SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN; Thời gian ký: 2026-10-30T18:46:35+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4687 /QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Kết luận số 222-KL/TU ngày 23/10/2026 của Thường trực Tỉnh ủy về thăm dò, khai thác khoáng sản và Công văn số 2962-CV/ĐU ngày 23/10/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về thực hiện Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 5225/TTr-SNNMT ngày 28/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 01 mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Động Lim, xóm Thống Nhất, xã Bạch Hà có diện tích 9,54 ha và 01 mỏ cát, sỏi tại bãi bồi sông Lam, xã Xuân Lâm có diện tích 7,53 ha vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để cung cấp nguyên liệu, vật liệu cho Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh – Thanh Thủy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 100 Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15.

(có Phụ lục chi tiết các khu vực mỏ kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý cấp phép hoạt động khoáng sản các khu vực mỏ nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND các xã: Bạch Hà, Xuân Lâm; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Phó Chủ tịch (TN) UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh Nghệ An (để đăng tải);
- Lưu VT.NN(V).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Thành Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Phụ lục: Khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

(kèm theo Quyết định số 4687/QĐ-UBND ngày 30 / 10 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên mỏ	Khu vực	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Trữ lượng dự kiến	Tọa độ *Hệ tọa độ VN-2000 - Kinh tuyến trục $104^0 45'$ múi chiếu 3^0*			Ý kiến các cơ quan
						Tên điểm	X (m)	Y (m)	
1	Mỏ đá xóm Thống Nhất	Xã Bạch Hà, tỉnh Nghệ An	làm VLXD thông thường	9,54	1.800.000	1	2080404	570340	Cung cấp nguyên liệu, vật liệu cho Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh – Thanh Thủy, thuộc tiêu chí không đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại điểm b khoản 2 Điều 100 Luật Địa chất và khoáng năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15; khoản 5 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 54 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ- CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
						2	2080624	570285	
						3	2080632	570405	
						4	2080559	570568	
						5	2080627	570712	
						6	2080428	570707	
						7	2080390	570602	
						8	2080280	570457	

2	Mỏ cát, sỏi bãi bồi Sông Lam,	Xã Xuân Lâm, tỉnh Nghệ An	Cát, sỏi	7,53	270.000	1	2071498	565689	Cung cấp nguyên liệu, vật liệu cho Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh – Thanh Thủy, thuộc tiêu chí không đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại điểm b khoản 2 Điều 100 Luật Địa chất và khoáng năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15; khoản 5 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 54 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ- CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
						2	2071589	565783	
						3	2071480	566094	
						4	2071341	566291	
						5	2071248	566189	
						6	2071388	565960	